

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình
Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về ban hành định mức xây dựng; số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7301/SXD-HĐXD ngày 20/11/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn (kèm theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn với những nội dung sau:

- 1. Tên công trình:** Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn.
- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình giao thông, cấp II.
- 3. Chủ đầu tư:** UBND thị xã Bỉm Sơn.
- 4. Địa điểm xây dựng:** Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Đại Việt.

6. Giải pháp thiết kế chủ yếu

6.1. Phân đường

a) Bình đồ tuyến

- Điểm đầu: Km0+00 giao với Quốc lộ 1A tại Km291+040 thuộc địa phận phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn.

- Điểm cuối: Km4+939,81 thuộc địa phận phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn.

b) Cắt dọc tuyến: Cao độ thiết kế tuyến đường cải tạo chủ yếu bám theo cao độ tim tuyến cũ, chỉ cải tạo cục bộ tại các đoạn có độ dốc dọc lớn, không phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường.

c) Cắt ngang tuyến

- Đoạn từ Km0+00 - Km4+187: Nâng cấp, cải tạo mặt đường với chiều rộng $B_m=14m$.

- Đoạn từ Km4+187 - Km4+824: Nâng cấp, cải tạo mặt đường với chiều rộng thay đổi theo hiện trạng $B_m=8-14m$.

- Đoạn từ Km4+187 - Km4+939.81: Thiết kế vượt nối về đường hiện trạng có chiều rộng nền đường thay đổi từ $B_n=6,5 - 8,5m$; chiều rộng mặt đường thay đổi $B_m=3,5 - 7,5m$; chiều rộng lề đất $B_l=2x(0,5 - 1,5)m$.

Dốc ngang mặt đường 2 mái $i_{mặt}=2\%$. Độ dốc siêu cao mặt đường trong đường cong thay đổi theo bán kính đường cong nằm. Độ dốc siêu cao $i_{max}=4\%$, tại các nút giao độ dốc siêu cao là $i=3\%$.

d) Nền đường: Công tác đào, đắp nền đường chủ yếu là đào, đắp xử lý các vị trí mặt đường bị hư hỏng sinh lún và đường sau mố. Nền đường đắp bằng đất phù hợp đảm bảo độ chặt $K>0,95$. Riêng chiều dày 30cm dưới đáy kết cấu áo đường được lu lèn đạt độ chặt $K\geq 0,98$ đối với nền đường đắp và xáo xới đầm lèn lại đạt độ chặt $K\geq 0,98$ đối với nền đường đào.

e) Mặt đường: Mặt đường cấp cao A_2 , cường độ mặt đường yêu cầu $E_{yc}\geq 95Mpa$, gồm các loại kết cấu:

- Kết cấu mặt đường BTN thảm trên mặt đường cũ BTXM gồm các lớp: Lớp mặt bằng BTN C19 dày 7cm; tưới nhựa dính bám TCN 0,5 kg/m²; lớp bù vênh BTN C19; tưới nhựa dính bám TCN 0,5 kg/m²; lưới địa kỹ thuật (cả phần rập ranh giữa mặt đường cũ là BTN và BTXM).

- Kết cấu mặt đường BTN thảm trên mặt đường cũ BTN gồm các lớp: Lớp mặt bằng BTN C19 dày 7cm; tưới nhựa dính bám TCN 0,5 kg/m²; lớp bù vênh BTN C19; tưới nhựa dính bám TCN 0,5 kg/m².

- Kết cấu mặt đường mới (đối với đường sau mố đối với cầu Chuyên gia, đường mở rộng đoạn cuối tuyến): Lớp mặt bằng BTN C19 dày 7cm; lớp láng

nhựa TCN 1.8 kg/m²; lớp đá 4x6 chèn đá dăm dày 15cm; lớp móng dưới đá 4x6 dày 24cm; lớp đáy móng chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm.

- Kết cấu mặt đường mới (sau mổ đối với cầu Đo Đặc và cầu Cổ Đàm):
Lớp mặt bằng BTN C19 dày 7cm; tưới nhựa dính bám TCN 0,5 kg/m²; lưới địa kỹ thuật; lớp BTXM M300 dày 30cm; lót lớp giấy dầu ngăn cách; lớp móng bằng BTXM M100 dày 10cm.

- Sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường cũ: Trên cơ sở nền mặt đường hiện tại, tiến hành sửa chữa các hư hỏng trước khi nâng cấp, cải tạo, cụ thể như sau:

+ Mặt đường cũ BTXM: Các tấm BTXM bị hư hỏng gãy nứt, đào thanh lý tấm bị hư hỏng, hoàn trả lại theo thứ tự từ dưới lên như sau: Móng bằng BTXM M100 dày 10cm, lót lớp giấy dầu ngăn cách, lớp BTXM M300 dày 30cm. Các khe bị nứt mất vật liệu được xử lý bằng chét nhựa đường.

+ Mặt đường cũ là BTN: Đối với những vị trí bị lún lõm được kết hợp bù phụ theo cao độ thiết kế. Các vị trí mặt đường bị rạn nứt lớn được vệ sinh, thổi bụi, láng nhựa 01 lớp TCN 1,8kg/m². Các vị trí mặt đường bị nứt gãy được cắt, cào bóc lớp BTN mặt đường cũ dày 5cm, tưới nhựa thấm bám TCN 1kg/m², hoàn trả lại bằng lớp BTN C19 phù hợp với cao độ mặt đường hiện tại. Các vị trí bị sinh lún, láng nhựa 01 lớp TCN 1,8kg/m²; lớp móng trên đá 4x6 chèn đá dăm dày 15cm, lớp móng dưới đá 4x6 dày 24cm; lớp đáy móng 30cm đắp bằng đất đòi $K \geq 0,98$.

f) Thiết kế nút giao

- Nút giao: Các nút giao được thiết kế dạng giao bằng vuốt nối vào đường hiện trạng, cải thiện bán kính vuốt mép (bán kính bó vỉa đảm bảo tối thiểu $R_{\min}=12m$), bổ sung hệ thống vạch sơn, biển báo hướng dẫn giao thông đảm bảo xe rẽ thuận tiện, an toàn. Kết cấu nền mặt đường trong phạm vi nút giao thiết kế tương tự như nền mặt đường trên tuyến chính.

- Đường giao: Tất cả các giao cắt với đường ngang dân sinh, đường vào cơ quan, công sở được thiết kế vuốt nối đảm bảo êm thuận. Chiều dài vuốt nối phụ thuộc vào độ dốc dọc từ đường ngang ra tuyến đường thiết kế, độ dốc dọc của đường ngang $I_d \leq 4\%$. Kết cấu vuốt nối đường ngang bằng BTN C19.

g) Thiết kế bó vỉa, đan rãnh, vỉa hè, cây xanh

- Bó vỉa, vỉa hè, hố trồng cây:

+ Đối với đoạn Km0+00 - Km1+578: Không đầu tư trong dự án này.

+ Đối với đoạn Km1+578 - Km4+939.81: Hai bên tuyến đã cơ bản có bó vỉa, vỉa hè lát gạch block, giữ nguyên theo hiện trạng, chỉ thiết kế sửa chữa cục bộ các vị trí bị hư hỏng.

+ Sửa chữa bó vỉa: Thay thế các viên bó vỉa bị hư hỏng bằng các viên mới, kết cấu bằng BTXM M200 lắp ghép, kích thước (23x26x100)cm, đặt trên lớp vữa đệm dày 2cm.

- Đan rãnh: Đan rãnh bằng BTXM M200 đổ tại chỗ, để vượt từ cao độ mép mặt đường tăng cường về cao độ mép đan rãnh hiện tại.

h) Hệ thống thoát nước

- Thoát nước dọc

+ Thiết kế mới: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Đo Đạc (Km0 - Km0+131) bổ sung rãnh thoát nước bên phải tuyến; đoạn từ cầu Đo Đạc đến Cỏ Đam (Km0+131 - Km1+558) thiết kế mới rãnh dọc thoát nước hai bên tuyến; bổ sung rãnh đoạn Km4+504 - Km4+598, Km4+725 - Km4+766 bên phải tuyến nối tiếp với rãnh hiện trạng; rãnh hình chữ nhật bề rộng $B=0,7m$, chiều cao thay đổi.

+ Kết cấu rãnh thường: Thân rãnh bằng BTCT M200, dày 15cm đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, tấm đan bằng BTCT M250 dày 12cm.

+ Kết cấu rãnh chịu lực: Thân rãnh bằng BTCT M200 dày 22cm đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, tấm đan bằng BTCT M300 dày 15cm.

+ Hồ thu loại 1: Dọc hai bên tuyến có thiết kế rãnh dọc, bố trí các hồ thu đặt cách nhau 30-40m/hố. Thân hồ bằng BTCT M200 dày 20cm, đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, tấm đan bằng BTCT M250 dày 15cm.

+ Hồ thu loại 2: Bố trí tại vị trí thu nước từ rãnh về cống, thân hồ bằng BTCT M200 dày 30cm đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Tấm đan bằng BTCT M250 dày 14cm.

+ Hồ thu loại 3: Bố trí tại vị trí trên dải phân cách đoạn Km1+45 - Km1+290, thân hồ bằng BTXM M200 dày 15cm, đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, tấm đan bằng BTCT M250 dày 8cm, thu nước từ rãnh hồ thu về rãnh bằng ống PVC D150.

- Sửa chữa rãnh dọc: Đoạn từ cầu Cỏ Đam đến cuối tuyến (Km1+578 - Km4+940), sửa chữa thân rãnh, tấm đan trên một số vị trí bị hư hỏng.

+ Sửa chữa thân rãnh bị hư hỏng bằng BTXM mác 200 đổ tại chỗ.

+ Thay thế các tấm đan bị hư hỏng bằng các tấm đan BTCT M250.

- Thoát nước ngang: Các cống thoát nước ngang trên tuyến cơ bản còn tốt và đã đủ bề rộng nền đường được giữ nguyên, chỉ nạo vét các cống để đảm bảo thoát nước.

i) Giải pháp thiết kế hệ thống hào kỹ thuật: Tuynel kỹ thuật ngang được đặt tại đầu các nút giao lớn (Quốc lộ 1A, Nguyễn Đức Cảnh, Tôn Thất Thuyết, Lê Lợi) được đặt dưới lớp kết cấu áo đường, bằng BTCT M250 đúc sẵn, hố ga bằng BTCT đặt nổi trên vỉa hè. Kết cấu hố ga bằng BTCT M250, tấm đan nắp đáy BTCT M250.

k) Giải pháp thiết kế hệ thống an toàn giao thông: Biển báo, sơn kẻ đường được thiết kế theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

6.2. Phân cầu

6.2.1. Cầu Đo Đạc tại Km0+131,18.

Giữ nguyên kết cấu dầm của phần cầu phía thượng lưu; phần cầu cũ phía hạ lưu (là cầu vòm 3 nhịp) được phá dỡ, xây dựng lại 01 đơn nguyên cầu mới và bổ sung xây dựng mới hè người đi, mặt cầu, gờ chắn, lan can, để đạt bề rộng cầu $B_c=19m$; chiều dài cầu $L=34,1m$ (tính đến đuôi mố); tim cầu mới cách tim cầu hiện tại $1,75m$. Kết cấu đơn nguyên cầu mới như sau:

- Kết cấu phần trên

+ Mặt cắt ngang cầu gồm 06 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm $1,92m$; liên kết dầm chủ bằng 04 dầm ngang BTCT 30Mpa và mỗi nối bản cánh dầm BTCT 30Mpa. Dầm chủ bằng BTCT DUL 40Mpa, tiết diện chữ T có bầu, chiều dài dầm $L=24m$; chiều cao dầm $1,2m$; bản cánh dày $18cm$; mỗi dầm có 06 bó cáp DUL loại 7 tao, một tao 7 sợi đường kính $12,7mm$; neo sử dụng loại T13-7; ống tạo lỗ bằng tôn tráng kẽm đường kính $55/60mm$; lấp lòng ống tạo lỗ bằng VXM 45Mpa. Phần liên kết với dầm cũ được khoan cấy thép để đổ dầm ngang và được liên kết với thép bản cánh dầm cũ để tạo mối nối.

+ Dầm ngang bằng BTCT 30Mpa, bố trí ụ chống xô bằng BTCT 30Mpa, liên kết với dầm ngang đầu dầm bằng chốt mạ kẽm.

+ Mặt cầu: Mặt cầu bằng BTN C19 dày $7cm$; lớp phòng nước dạng dung dịch; lớp phủ mặt cầu bằng BTCT 30Mpa; dốc ngang mặt cầu $i=2\%$ được tạo bằng thay đổi chiều dày lớp phủ mặt cầu.

+ Gối cầu bằng cao su bản thép; khe co giãn dạng ray; lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm sơn tĩnh điện 02 lớp; thoát nước mặt cầu bằng 08 ống thoát nước $\phi 150mm$ bằng gang và ống nhựa.

+ Via hè: Mặt via hè lát đá xẻ tự nhiên, đệm VXM M100, bản BTCT 25Mpa, gờ chân lan can và bệ đỡ cột điện bằng BTCT 25Mpa, bó via via hè bằng BTCT 16Mpa.

- Kết cấu phần dưới

+ Hai mố có cấu tạo giống nhau bằng BTCT 30Mpa, bệ mố đặt trên hệ cọc khoan nhồi bằng BTCT 30Mpa, mỗi mố gồm 05 cọc đường kính $D=1m$ chiều dài cọc dự kiến là $8m$ (mố M1) và $4,5m$ (mố M2), mũi cọc trong lớp đá vôi phong hóa; bố trí khe lún với mố cũ.

+ Sau mố đắp đất nhiều sỏi sạn đạt độ chặt $K \geq 0,98$, bản quá độ bằng BTCT 25Mpa; chân khay bằng BTXM M150, tứ nón và gia cố mái taluy đường sau mố bằng BTXM M200, có bậc lên xuống.

- Đảm bảo giao thông trong quá trình thi công bằng đơn nguyên thượng lưu, bố trí rào tôn ngăn cách, cọc ván thép để chắn đất, đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu và người đảm bảo giao thông. Sau khi thi công xong đơn nguyên này chuyển sang thi công đơn nguyên thượng lưu và hoàn thiện cầu.

- Tổ chức thi công: Bãi đúc đầm được bố trí tại khu vực sau Trung tâm hội nghị thị xã Bỉm Sơn (gần cầu Cỏ Đam), vận chuyển đầm bằng xe chuyên dụng, lắp đầm bằng phương pháp đầu cầu.

6.2.2. Cầu Cỏ Đam

Thanh lý cầu cũ, xây dựng cầu mới có tim tuyến trùng với tim cầu cũ; cầu có bề rộng $B_c = (2,5+14+2,5)m=19m$; chiều dài cầu 28,1m; kết cấu bằng BTCT và BTCT DƯL, cụ thể như sau:

- Kết cấu phần trên: Cầu gồm 01 nhịp đầm bản rộng chiều dài đầm $L=24m$ bằng BTCT DƯL 40Mpa, mặt cắt ngang cầu gồm 19 đầm.

Đầm bản rộng 1m, cao 0,95m, cấp cường độ cao gồm 40 tao cấp 12,7mm; gối cầu bằng cao su bản thép, mỗi đầu đầm có 02 gối; bố trí dự ứng lực ngang cầu tại vị trí sườn tăng cường của đầm bản; một mặt cắt gồm 02 bó cáp, mỗi bó gồm 04 tao đường kính 12,7mm; neo dùng loại T13-4, ống tạo lỗ bằng tôn tráng kẽm đường kính 45/50mm, lắp lồng ống tạo lỗ bằng VXM 45Mpa.

+ Mặt cầu: Lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19; chống thấm bê tông mặt cầu bằng dung dịch, mặt cầu bằng BTCT 30Mpa; lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm sơn tĩnh điện 02 lớp; khe co giãn dạng ray, ống thoát nước mặt cầu bằng gang và ống nhựa.

+ Via hè: Mặt vỉa hè lát đá xẻ tự nhiên, đệm VXM M100; tấm bản bằng BTCT 25Mpa 80mm đặt cao hơn mép phần xe chạy 30cm; gờ chân lan can và bệ đỡ cột điện bằng BTCT 25Mpa; bó vỉa vỉa hè bằng BTCT 16Mpa.

- Kết cấu phần dưới

+ Hai móng có cấu tạo giống nhau dạng móng chữ U bằng BTCT 30Mpa, đặt trong lớp đá vôi phong hóa nhẹ, chống trượt đáy móng bằng thép tròn D32 bố trí hình hoa mai, khoảng cách 1m/thanh.

+ Sau móng đắp bằng đất nhiều sỏi sạn đạt độ chặt $K \geq 0,98$; tứ nón và mái taluy đường sau móng bằng BTXM M200; chân khay bằng BTXM M150; bản quá độ BTCT 25Mpa.

- Đảm bảo giao thông trong quá trình thi công: Bố trí đường công vụ phục vụ thi công bên trái tuyến có bề rộng nền đường $B_n=5m$; bề rộng mặt đường $B_m=3,5m$; lề đất $B_{ld}=2 \times 0,75m=1,5m$.

Mặt đường láng nhựa 2 lớp TCN 3kg/m²; tưới nhựa thấm bảm 1kg/m²; móng lớp trên bằng CPĐĐ loại 1 dày 12cm; móng dưới CPĐĐ loại 2 dày 14cm; nền đường đắp đất đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

Cầu tạm có chiều dài $L_n=12m$; bề rộng $B = (4,5+2 \times 0,25)m=5m$; cầu gồm 1 nhịp đầm thép hình I550, mặt cắt ngang gồm 07 đầm, liên kết các đầm bằng thép hình, thép bản; mặt cầu bằng thép bản dày 10mm, phía trên có hàn các thanh thép tròn $D=8mm$ chống trượt. Hai móng cầu tạm được cấu tạo bằng các rọ đá hộp $2 \times 1 \times 1m$, phía trước móng có hệ thống cọc ván thép larsen IV giữ ổn định và liên kết với đầm chủ.

- Tổ chức thi công chủ đạo: Bãi đúc dầm được bố trí tại khu vực sau Trung tâm hội nghị thị xã Bim Sơn (gần cầu Cổ Đam), vận chuyển dầm bằng xe chuyên dụng, lắp dầm bằng phương pháp đầu cầu.

6.2.3. Cầu Chuyên gia Km4+885,65

Thanh lý cầu cũ, xây dựng cầu mới có tim tuyến trùng với tim cầu cũ; cầu có bề rộng $B_c = (0,5+8+0,5)m=9,0m$; chiều dài cầu 28,1m; kết cấu bằng BTCT và BTCT DUL. Kết cấu cụ thể như sau:

- Kết cấu phần trên

+ Cầu gồm 01 nhịp dầm bản rộng bằng BTCT DUL 40Mpa, chiều dài nhịp $L=18m$, cầu chéo góc với dòng chảy 20° , mặt cắt ngang cầu 9 dầm bản có chiều rộng 1m, cao 0,65m; mỗi dầm bố trí 31 tao cáp đường kính 12,7mm loại 7 sợi.

+ Mặt cầu: Lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19; chống thấm bê tông mặt cầu bằng dung dịch, mặt cầu bằng BTCT 30Mpa; lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm sơn tĩnh điện 02 lớp; chân gờ lan can bằng BTCT 25Mpa; khe co giãn dạng ray, ống thoát nước mặt cầu bằng gang.

- Kết cấu phần dưới: Hai móng giống nhau móng nặng chữ U bằng BTCT 30Mpa, móng móng đặt trong lớp đá phiến sét rắn chắc, chống trượt đáy bộ móng bằng thép tròn D32 bố trí hình hoa mai, khoảng cách 1m/thanh.

+ Sau móng đắp bằng đất nhiều sỏi sạn đạt độ chặt $K \geq 0,98$; tứ nón và mái ta luy đường sau móng M1 (trái tuyến) bằng BTXM M200, chân khay bằng BTXM M150; phần tứ nón bên phải tuyến móng M1 và hai bên móng M2 bố trí tường chắn trọng lực bằng BTXM M150; bản quá độ bằng BTCT 25Mpa.

- Tổ chức phân luồng, đảm bảo giao thông trong quá trình thi công, cụ thể:

+ Xe cơ giới: Các phương tiện lưu thông trên các tuyến đường Đinh Tiên Hoàng, Phạm Hùng, Lê Lợi với tổng chiều dài khoảng 4,9km và ngược lại.

+ Xe thô sơ: Đi theo đường Phùng Chí Kiên, đường Lê Phụng Hiếu dài 1,9km và ngược lại.

6.2.4. An toàn lao động, vệ sinh môi trường

- Đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động: Thực hiện theo các quy định của pháp luật.

- Trước khi thi công cầu, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tối thiểu 03 lần và các hình thức tuyên truyền hiệu quả khác.

- Đảm bảo an toàn khi thi công trên đường đang khai thác thực hiện theo các quy định của pháp luật.

(Nội dung theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

7. Tổng dự toán xây dựng: 74.150.818.000 đồng (Bảy mươi tư tỷ, một trăm năm mươi triệu, tám trăm mười tám nghìn đồng); trong đó:

- Chi phí xây dựng: 62.279.276.000 đồng;

- Chi phí QLDA: 1.213.044.000 đồng;
- Chi phí TVĐTXD: 4.215.642.000 đồng;
- Chi phí khác: 1.395.993.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 5.046.863.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư; vốn ngân sách thị xã Bim Sơn và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác đảm bảo bằng 30% tổng mức đầu tư.

Điều 2. Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H'48.307).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG**Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)**Đơn vị tính: Đồng.*

TT	Hạng mục	Cách tính	Thành tiền
I	Chi phí xây lắp (Gxl)	(1+2+3+4)	62.279.276.000
1	Đường giao thông	Dự toán chi tiết	40.263.840.000
1.1	Nền mặt đường	nt	25.901.927.000
1.2	Hoàn trả đường ngang	nt	1.363.046.000
1.3	Thoát nước	nt	9.689.152.000
1.4	Hào kỹ thuật	nt	2.683.645.000
1.5	An toàn giao thông	nt	626.070.000
2	Phần cầu (theo giá trị thẩm định của SGTVT)		22.015.436.000
2.1	Cầu Đo Đạc - Km0+131,18	nt	5.763.647.000
2.2	Cầu Cổ Đam - Km1+577,81	nt	13.005.741.000
2.3	Cầu Chuyên Gia - Km4+855,65	nt	3.246.048.000
II	Chi phí QLDA	2,109% x Gxl	1.213.044.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv)		4.215.642.000
1	Chi phí khảo sát bước lập BCNCKT	Theo QĐ số 1125/QĐ-UBND ngày 10/3/2020	425.855.000
2	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Theo QĐ số 1187/QĐ-UBND ngày 13/3/2020	318.447.085

3	Chi phí khảo sát bước lập TKBVTC, cắm cọc GPMB và lập thiết kế BVTC + DT	Theo QĐ số 4363/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn	1.163.981.813
4	Chi phí thẩm tra thiết kế	0,109% x Gxl	68.963.000
5	Chi phí thẩm tra dự toán	0,102% x Gxl	64.535.000
6	Chi phí kiểm định công trình cầu	Theo QĐ số 2733/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	473.830.000
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn KS, lập TK BVTC	0,809% x Gvtk	9.417.000
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu thi công xây lắp	0,142% x Gxl	89.842.000
9	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn giám sát thi công	0,780% x Ggs	11.148.000
10	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát phục vụ lập BCNCKT	Theo QĐ số 798/QĐ-UBND ngày 06/3/2020	12.775.650
11	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng phục vụ lập BCNCKT	nt	17.340.816
12	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát phục vụ lập TKBVTC	Theo QĐ số 3166/QĐ-UBND ngày 07/8/2020	8.634.480
13	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng phục vụ lập TKBVTC	nt	11.719.868
14	Giám sát kỹ thuật - thi công	2,259% x Gxl	1.429.252.000
15	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Theo QĐ số 2733/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	109.900.662
IV	Chi phí khác (Gk)		1.395.993.000

1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	Theo QĐ số 2733/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	11.045.000
2	Phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn KS, lập TK BVTC	0,100% x Giá gói thầu	2.000.000
3	Phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp	0,100% x Giá gói thầu	62.279.000
4	Phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn giám sát thi công	0,100% x Giá gói thầu	2.000.000
5	Chi phí kiểm toán	Theo QĐ số 2733/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	352.346.000
6	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	nt	103.231.000
7	Chi phí bảo hiểm công trình	0,250% x GxI	158.173.000
8	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	20,000% x Ggs	259.863.992
9	Chi phí đảm bảo giao thông		
9.1	Phân tuyến	Dự toán chi tiết	314.859.000
9.2	Phân cầu Đo đạc	nt	130.196.000
V	Chi phí dự phòng (GDP)		5.046.863.000
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	5,00% x (I + II + III + IV)	3.455.197.750
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	2,30% x (I + II + III + IV)	1.591.665.123
	Tổng kinh phí	I+II+III+IV+V	74.150.818.000